



CREATE CAPITAL VIET NAM

# 2023 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Serve Green energy by quality products

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY</b> .....	<b>2</b>
1 Thông tin chung.....	2
2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	3
3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	13
4 Định hướng phát triển .....	23
5 Các rủi ro của doanh nghiệp.....	23
<b>CHƯƠNG II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023</b> .....	<b>27</b>
1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	27
2 Tổ chức và nhân sự.....	28
3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	32
4 Tình hình tài chính .....	33
5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	34
6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	35
<b>CHƯƠNG III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>37</b>
1 Tình hình sản xuất kinh doanh .....	37
2 Tình hình tài chính .....	38
3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	38
4 Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	38
<b>CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>39</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	39
<b>CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>40</b>
1 Hội đồng quản trị.....	40
2 Ban Kiểm soát .....	48
3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	52
<b>CHƯƠNG VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)</b> .....	<b>54</b>

## CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

### 1 Thông tin chung

#### 1.1 Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105087537
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 *đồng*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 *đồng*
- Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6292.5566
- Số fax/Fax: (84-24) 6292 5566
- Website: <http://createcapital.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): *CRC*

#### 1.2 Quá trình hình thành và phát triển

**2010**

Ngày **29/12/2010**: Công ty được thành lập với tiền thân là Công ty TNHH Create Capital Việt Nam, số vốn Điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 (*mười tỷ*) *đồng*.

**2011**

Ngày **06/10/2011**, Công ty thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 100 tỷ *đồng*.

**2014**

Ngày **01/08/2014**: Công ty tăng vốn lên 150 tỷ *đồng*

Ngày **11/09/2014**: Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

Từ khi thành lập đến nay, Công ty phát triển theo hướng trở thành một mô hình “sở hữu tài sản” với chức năng tập trung đầu tư vào các công ty trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói đất sét nung (gạch ngói bằng công nghệ lò Tuynel) thông qua mua bán – sáp nhập (M&A) các doanh nghiệp, nhà máy, nhà xưởng phân bố ở miền Trung và miền Bắc Việt Nam. Ngoài ra, để tăng trưởng về quy mô, công ty cũng đầu tư vào lĩnh vực thương mại hàng hóa như: xe ô tô đặc thù, sơn các loại.

**2015**

Ngày **31/08/2015**: Công ty được Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 150/2017/GCNCP-VSD

**2018**

Ngày **20/08/2018**, cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là **CRC**.

**2021**

Ngày **12/11/2021**: Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ Việt Nam *đồng*

## 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2010, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021, các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1.	2431	Đúc sắt, thép
2.	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
3.	0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
4.	0113	Trồng cây lấy củ có chất bột
5.	0123	Trồng cây điều
6.	0124	Trồng cây hồ tiêu
7.	0125	Trồng cây cao su
8.	0126	Trồng cây cà phê
9.	0127	Trồng cây chè
10.	0620	Khai thác khí đốt tự nhiên (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
11.	0710	Khai thác quặng sắt (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
12.	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Trừ quặng uranium và thorium)
13.	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét



STT	Mã ngành	Tên ngành
		(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)
14.	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
15.	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: không bao gồm chế biến, sản xuất dầu, mỡ động vật hoang dã quý hiếm, thực vật quý hiếm.
16.	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
17.	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn
18.	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
19.	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
20.	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
21.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
22.	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
23.	4312	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)
24.	4321	Lắp đặt hệ thống điện
25.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
26.	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng
27.	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng

STT	Mã ngành	Tên ngành
28.	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)
29.	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
30.	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)
31.	4541	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)
32.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: không kinh doanh, chế biến, xử lý các động vật hoang dã quý hiếm, bao gồm động vật sống và chế phẩm từ chúng.
33.	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
34.	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
35.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sử dụng cho sản xuất công nghiệp
36.	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
37.	<b>6810 (Chính)</b>	<b>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</b> <b>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</b>
38.	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Mã ngành	Tên ngành
		Chi tiết: Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản ( không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản )
39.	7020	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm: Tư vấn luật, tài chính, kế toán, hoạt động của công ty luật văn phòng luật sư)
40.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  Chi tiết: Dịch vụ: Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn thẩm tra dự án về đầu tư xây dựng (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
41.	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu  Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
42.	2610	Sản xuất linh kiện điện tử
43.	2640	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
44.	2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
45.	2670	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học
46.	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
47.	2731	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
48.	2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
49.	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
50.	2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

STT	Mã ngành	Tên ngành
51.	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
52.	2790	Sản xuất thiết bị điện khác
53.	2812	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu
54.	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
55.	3314	Sửa chữa thiết bị điện
56.	3319	Sửa chữa thiết bị khác
57.	3511	Sản xuất điện (Trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân)
58.	4101	Xây dựng nhà để ở
59.	4102	Xây dựng nhà không để ở
60.	4221	Xây dựng công trình điện <i>(Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân)</i>
61.	2720	Sản xuất pin và ắc quy <i>Chi tiết: Sản xuất tấm tế bào quang điện</i>
62.	4212	Xây dựng công trình đường bộ
63.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
64.	3512	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Hoạt động truyền tải điện và phân phối điện (Ngoại trừ hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện Quốc gia)</i>
65.	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu <i>Chi tiết: Sản xuất kim loại màu</i>
66.	2432	Đúc kim loại màu
67.	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết:</i> <i>- Bán buôn quặng kim loại</i>

STT	Mã ngành	Tên ngành
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn sắt, thép;</li> <li>- Bán buôn kim loại khác</li> </ul> <p><i>Không thực hiện phân phối các sản phẩm, hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm</i></p>

CRC chủ yếu kinh doanh thương mại các sản phẩm sau:

- Kinh doanh thương mại các loại nông sản;
- Kinh doanh thương mại các sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Mua bán pin, vật tư phụ kiện các thiết bị dùng trong các dự án năng lượng điện mặt trời áp mái; đồng thời cung cấp dịch vụ xây lắp các dự án điện mặt trời áp mái do các khách hàng mua pin, thiết bị của Công ty là chủ đầu tư.

➤ **Hoạt động kinh doanh nông sản**

Là một mảng hoạt động chính của Công ty từ năm 2017 đến nay với các sản phẩm là điều, cao su, quế ...

Đối với sản phẩm nhân điều: CRC thực hiện thu mua nguyên liệu đã qua hoặc chưa qua chế biến từ những đối tác có uy tín trong nước để đóng gói và cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước và xuất khẩu sang nước ngoài. Thị trường nước ngoài của Công ty bao gồm Nga, Singapore, Mỹ, Anh, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Hàn Quốc. Những năm gần đây, Công ty tập trung phát triển mặt hàng điều nhân và cao su, do đây là một trong những thế mạnh sản xuất của Việt Nam, có thị trường ổn định, an toàn và nguồn cung nội địa tương đối dồi dào.

Đối với các loại nông sản khác: CRC chủ yếu kinh doanh thương mại và lấy nguồn hàng từ các đối tác lâu năm của Công ty.

Một số hình ảnh sản phẩm nông sản của CRC



Điều nhân



Dầu hạt điều



Cao su nguyên liệu SVR, SBR



Quế nguyên liệu

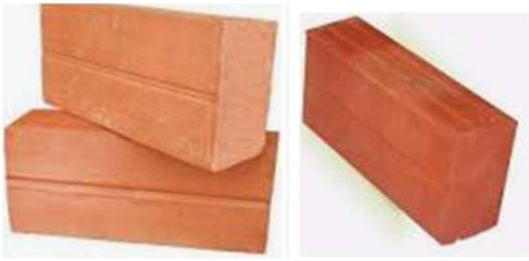
➤ **Hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng:**

Đối với mảng kinh doanh gạch: CRC nhập nguồn hàng trực tiếp từ các nhà máy sản xuất hoạt động trong lĩnh vực sản xuất này, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc, sau khi được đầu tư dây chuyền sản xuất công nghệ Tuynel trần phẳng tiên tiến đã đạt công suất 50 triệu viên gạch/năm, sản phẩm chủ yếu là gạch đặc và gạch 2 lỗ.
- Công ty TNHH Trường Sơn có dây chuyền công nghệ Lò quay Tuynel hiện đại với công suất 80 triệu viên gạch/năm. Sản phẩm chủ yếu là gạch 2 lỗ.

Bên cạnh việc kinh doanh thương mại các sản phẩm gạch, CRC còn thực hiện kinh doanh bán các sản phẩm vật liệu xây dựng khác, chủ yếu là sắt, thép cho các đại lý, công trình trong nước.

Một số hình ảnh sản phẩm VLXD mà CRC kinh doanh



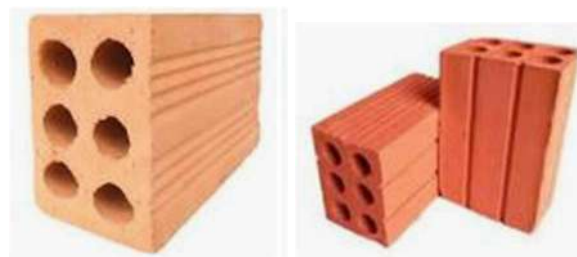
Gạch đặc



Gạch ống 2 lỗ



Gạch ống 4 lỗ



Gạch ống 6 lỗ



Gạch ốp lát, gạch ngói



Sắt thép xây dựng các loại

➤ **Hoạt động cung cấp pin, vật tư phụ kiện và xây lắp các dự án điện mặt trời áp mái:**

Đây là lĩnh vực mà CRC chuyển sang hoạt động từ giữa năm 2020. Đến nay, Công ty đã có những bước đầu tham gia cung cấp pin mặt trời, vật tư phụ kiện, đồng thời thi công xây lắp các dự án phát triển năng lượng điện mặt trời áp mái do khách hàng mua pin, vật tư phụ kiện của Công ty là chủ đầu tư, chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương, từ đó đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của Công ty.

Một số dự án Công ty đã thực hiện xây lắp và bán pin, thiết bị cho dự án cho các khách hàng có thể kể đến như:



### Dự án Điện áp mái tại Thôn Đa Hoa



#### *Nội dung công việc:*

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 6MWp
- Địa điểm: Thôn Đa Hoa, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
- Khách hàng: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư King Group Việt Nam

### Dự án Điện áp mái thôn An Hội 1



#### *Nội dung công việc:*

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Khách hàng: Công ty TNHH MTV Hà My

### Điện áp mái Thôn An Hội 2



#### *Nội dung công việc:*

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Khách hàng: Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai

### Điện áp mái Thôn An Hội 3



#### *Nội dung công việc:*

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Khách hàng: Công ty TNHH MTV Phan Linh YB

### **Điện áp mái Thôn Hương Thuận**



#### ***Nội dung công việc:***

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 2MWp
- Địa điểm: Thôn Hương Thuận, Xã Đa Lâu, Huyện Đa Tả, Tỉnh Lâm Đồng
- Khách hàng: Công ty TNHH Hồng Khanh



### **Điện áp mái tại tỉnh Phú Thọ**



#### ***Nội dung công việc:***

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Vũ Yên, Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
- Chủ đầu tư: CRC

#### ***Nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời***

- Xây dựng nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời, đồng thời cung cấp, lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại nhà máy.
- Địa điểm: Khu công nghiệp Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Khách hàng: Công ty CP CRC Solar Cell

## **2.2 Địa bàn kinh doanh**

- Địa bàn kinh doanh vật liệu xây dựng: Với mục tiêu đưa thương hiệu CRC được biết đến với người tiêu dùng, Công ty đã mở rộng địa bàn kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng của công ty đến tất cả các tỉnh thành trên cả nước.

- Địa bàn kinh doanh nông sản: Sản phẩm nông sản như cao su, hạt điều nhân... sẽ được công ty thu mua để kinh doanh bán lại cho các công ty trong nước và xuất khẩu. Xuất khẩu điều là mảng hoạt động mang lại trung bình 30% cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm. Mảng hàng điều nhân của Công ty được xuất khẩu đi một số quốc gia như Trung Quốc, Nga, Belarus...

- Địa bàn kinh doanh điện năng mặt trời: Các dự án điện mặt trời của Công ty tập trung chủ yếu vào khu vực Nam Trung Bộ với số giờ nắng đều từ khoảng 1.800 giờ/năm trở lên.

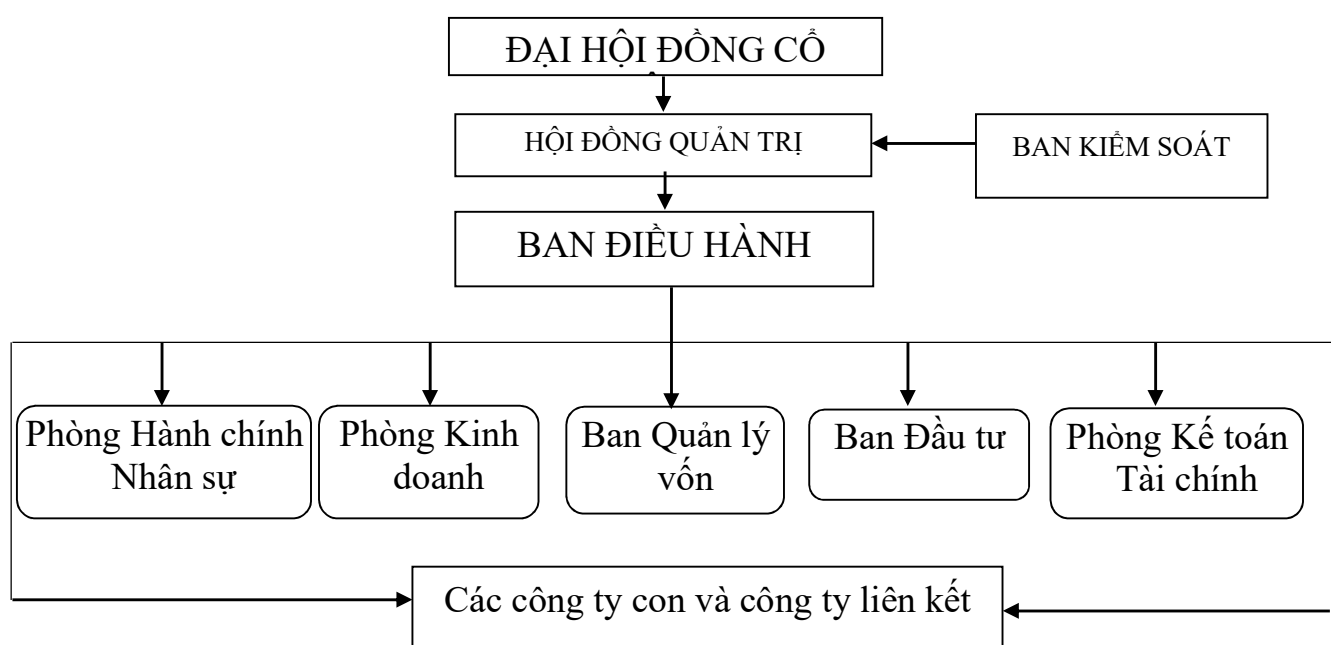
### 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1 Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng (Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

##### Sơ đồ cơ cấu quản lý của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam



#### ➤ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- + Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- + Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - + Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - + Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - + Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - + Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - + Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - + Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- **Hội đồng Quản trị**
- + Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam do ĐHCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - + Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - + Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - + Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - + Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- + Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- + Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- + Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- + Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- + Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- + Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- + Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### ➤ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát (“BKS”) của Công ty do ĐHĐCĐ bầu. Ban Kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- + Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực



hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- + Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hoạt động giám sát của mình.
- + Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- + Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- + Các quyền và nhiệm vụ khác theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

### ➤ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- + Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- + Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- + Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- + Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- + Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

### ➤ **Ban Quản lý vốn**

- + Quản lý giám sát nhóm Vật liệu xây dựng: Các công ty về gạch đỏ, vật liệu xây dựng;
- + Quản lý giám sát nhóm Pin, điện mặt trời: Các công ty điện, Pin năng lượng mặt trời;
- + Quản lý giám sát nhóm Nông nghiệp: Trang trại, trồng cây, nông sản, nước giải khát;
- + Quản lý giám sát dự án khác;
- + Điều hành trực tiếp các công ty vệ tinh;
- + Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo phân công của HĐQT và Tổng Giám đốc.

### ➤ **Phòng Đầu tư**

- + Chủ trì tìm kiếm các cơ hội đầu tư, tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về quyết định đầu tư, quản lý quá trình đầu tư; quản lý giám sát các hạng mục dự án đầu tư;

+ Thường xuyên báo cáo cấp trên về tình hình hoạt động của các công ty thành viên, giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác. Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về quy chế quản lý đầu tư.

➤ ***Phòng Tổ chức Hành chính***

+ Chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc và thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tổ chức, quản lý hành chính, quản lý nhân sự, lao động tiền lương;

+ Tư vấn, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng quy trình/quy định/quy chế, chính sách liên quan đến hành chính, nhân sự;

+ Thực hiện thanh toán lương, bảo hiểm, các chế độ, chính sách cho nhân viên theo Luật Lao động Việt Nam và quy định của Công ty;

+ Xây dựng Kế hoạch, tổ chức tuyển dụng và đào tạo nhân sự, quản lý hồ sơ nhân sự;

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội quy/quy định của Công ty;

+ Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện 5S để đảm bảo môi trường làm việc luôn được sạch sẽ, chuyên nghiệp;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy nhân sự của Công ty;

+ Lên kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, lương, thưởng;

+ Xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;

+ Tổ chức quản lý, sử dụng con dấu của Công ty đúng quy định của pháp luật;

+ Giúp Ban Tổng giám đốc trong việc lễ tân, tiếp khách;

+ Chăm sóc sức khỏe CNCNV trong toàn Công ty, cấp cứu sơ cứu bệnh nhân; hàng năm mua và theo dõi bảo hiểm y tế cho CBCNV Công ty;

+ Các công việc khác theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ ***Phòng Kế toán Tài chính:***

+ Thực hiện công tác tài chính, kiểm toán nội bộ, quản lý tài sản, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty;

+ Lập kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Công ty, tham mưu cho Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt để làm cơ sở thực hiện;

+ Chủ trì thực hiện nhiệm vụ thu và chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, theo dõi đối chiếu công nợ;



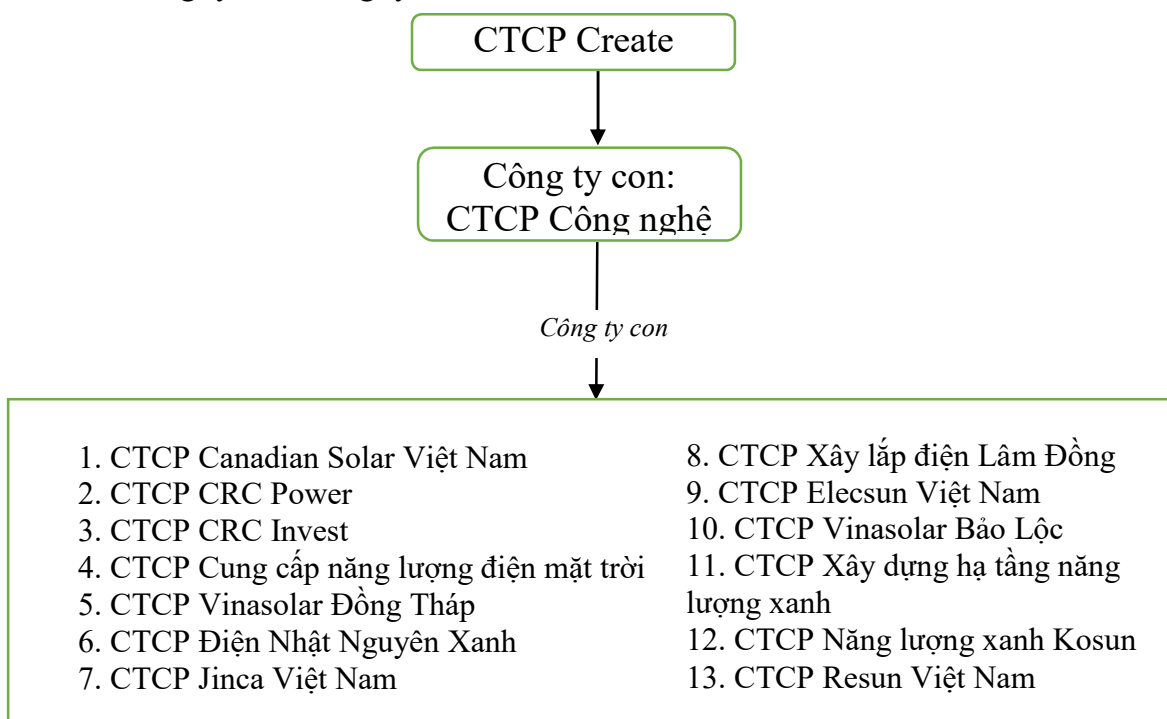
- + Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác và phát triển vốn của Công ty, quản lý, phân bổ, điều chuyển vốn và hoàn trả vốn vay, lãi vay của Công ty;
- + Thực hiện quyết toán quý, 6 tháng, năm đúng tiến độ và tham gia cùng với phòng nghiệp vụ của Công ty để hạch toán lỗ, lãi giúp cho Ban TGD Công ty nắm chắc nguồn vốn, lợi nhuận;
- + Lập Báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước phản ánh trung thực kết quả hoạt động của Công ty;
- + Phân tích tình hình tài chính, cân đối nguồn vốn, công nợ ... trong Công ty và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;
- + Chủ trì làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán, Ngân hàng và các đơn vị chức năng khác;
- + Lập hồ sơ vay vốn trung hạn, ngắn hạn Ngân hàng, lập kế hoạch và quy định huy động vốn từ các nguồn khác phục vụ cho công tác giải ngân thanh quyết toán cho các nhà thầu thi công;
- + Kiểm tra định kỳ về công tác kế toán, thực hiện chế độ chính sách, kỷ luật thu chi tài chính, kế toán vốn và các loại tài sản khác trong toàn Công ty nhằm thực hiện đúng các chế độ chính sách của Nhà nước đã quy định.
- + Tham gia soạn thảo, thẩm định hồ sơ, theo dõi, kiểm tra tiến độ giải ngân, thanh quyết toán đối với các hợp đồng kinh tế trong Công ty cũng như nguồn vốn đầu tư cho các dự án, các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và thực hiện.

### ➤ **Phòng Kinh doanh**

- + Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến bán hàng, marketing của Công ty;
- + Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn, nghiên cứu tình hình môi trường kinh doanh;
- + Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh để xác lập định hướng chiến lược phát triển toàn diện của Công ty, các chính sách phát triển, các kế hoạch dài hạn;
- + Xây dựng chiến lược, chính sách marketing phù hợp với từng giai đoạn phát triển, từng sản phẩm, từng dịch vụ;
- + Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược, chiến thuật nâng cao sức mạnh cạnh tranh của Công ty;
- + Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc kinh doanh của Công ty;
- + Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm;

- + Phối hợp với phòng Kế toán trong việc thanh toán hợp đồng và thu hồi nợ;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc phân công;

### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết



***Sơ đồ cơ cấu tổ chức của CRC tại thời điểm hiện tại***

TT	Tên công ty	Số giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của CRC	Tỷ lệ biểu quyết của CRC
1	CTCP Công nghệ CRC	0108830599	Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	206	99,98%	99,98%
1.1 (gián tiếp)	CTCP Canadian Solar Việt Nam	0109234447	Tầng 2, BT4.2, Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	98,9%	98,9%
1.2 (gián tiếp)	CTCP CRC Power	0109182037	Tầng 3, Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	20	98,9%	98,9%
1.3 (gián tiếp)	CTCP CRC Invest	0109182012	Tầng 2, Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.	Sản xuất điện mặt trời	20	98,9%	98,9%

1.4 (gián tiếp)	CTCP cung cấp năng lượng điện mặt trời	0109328335	Tầng 1, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	Sản xuất điện mặt trời	10	98,0%	98,0%
1.5 (gián tiếp)	CTCP Vinasolar Đồng Tháp	0109322171	Số 140 Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	95,0%	95,0%
1.6 (gián tiếp)	CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh	6101268004	Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện mặt trời	10	95,0%	95,0%
1.7 (gián tiếp)	CTCP Jinca Việt Nam	0109328261	P301, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	20	96,9%	96,9%
1.8 (gián tiếp)	CTCP Xây lắp điện Lâm Đồng	0109328328	P202, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	97,0%	97,0%
1.9 (gián tiếp)	CTCP Elecsun Việt Nam	0109328310	P201, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	93,2%	93,2%

1.10 (gián tiếp)	CTCP Vinasolar Bảo Lộc	5801441598	Lô CN6, Khu Công nghiệp Lộc Sơn,, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng	Sản xuất điện mặt trời	40	99,5%	99,5%
1.11 (gián tiếp)	CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	0109328303	P302, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	96,0%	96,0%
1.12 (gián tiếp)	CTCP Năng lượng xanh Kosun	6101268011	Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện mặt trời	10	96,9%	96,9%
1.13 (gián tiếp)	CTCP Resun Việt Nam	0109322196	Số 140 Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	97,0%	97,0%

## 4 Định hướng phát triển

### ➤ *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.*

- + Tăng cường công tác quản lý nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo các quyền và lợi ích của cổ đông;
- + Công ty định hướng phát triển theo lĩnh vực năng lượng tái tạo và phát triển bền vững hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường. Công ty tiếp tục kinh doanh tấm Pin năng lượng mặt trời; xây dựng năng lực trở thành nhà thầu thi công EPC và vận hành dự án điện năng lượng mặt trời uy tín;
- + Tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng (gạch, thép ...) và nông sản (cao su, điều...) bằng cách: Giữ vững và phát triển thị trường đầu vào nhằm ổn định được hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường công tác tìm kiếm và phát triển thị trường đầu ra, đặc biệt là các khách hàng mới.
- + Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ mua lại nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời.

### ➤ *Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

#### Chiến lược ngành hàng:

- + Tập trung phát triển ngành năng lượng sạch (chủ yếu là điện mặt trời), từng bước trở thành tập đoàn kinh tế đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất pin và sản xuất điện ở Việt Nam;
- + Nghiên cứu mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh
- + Mở rộng thị trường tiêu thụ ra các thị trường lớn trên thế giới như Mỹ, EU,....
- + Xây dựng triển khai các kênh bán hàng mới, bắt kịp với xu hướng phát triển chung của thị trường. Đưa các sản phẩm mang thương hiệu CRC đến tay người tiêu dùng trên cả nước;

#### Chiến lược quản trị

- + Quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững;
- + Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động;
- + Đào tạo, phát triển bộ máy nhận lực chất lượng cao;

## 5 Các rủi ro của doanh nghiệp

### 5.1 Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố nội tại bên trong doanh nghiệp mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố môi trường

bên ngoài doanh nghiệp như: sự tăng trưởng của nền kinh tế, lạm phát, các chính sách lãi suất,...

### ➤ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Vai trò của tăng trưởng kinh tế là vô cùng quan trọng, vì nó có ảnh hưởng đến hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực, và doanh nghiệp trong nền kinh tế. CRC là doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau, cho nên khi xảy ra rủi ro về tăng trưởng kinh tế sẽ có ảnh hưởng sâu sắc và lan tỏa đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước những diễn biến của không mấy khả quan của nền kinh tế năm 2023, CRC luôn chủ động chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh và phương án tài chính, cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp để có thể ứng phó theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế. Nâng cao quản trị rủi ro, chủ động theo dõi diễn biến thị trường ngành dược, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh thích hợp để đưa ra các phương án kịp thời, nhằm đảm bảo Công ty đi đúng tiến độ và đạt được mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra,

### ➤ **Lạm phát**

Lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là các chi phí nguyên liệu, nhân công,... Để giảm thiểu các rủi ro tăng giá và chi phí, Công ty luôn tìm cách khai thác và đa dạng hóa các nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu, nhân công và chi phí xây dựng khác để có được cơ hội tiếp cận đến nguồn chi phí thấp nhất, đồng thời nghiên cứu, triển khai biện pháp thi công, thiết kế tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí.

### ➤ **Rủi ro tỷ giá**

Trong ba mảng hoạt động chính, hoạt động kinh doanh nông sản của CRC là lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tỷ giá vì một phần thị trường kinh doanh của Công ty tập trung vào các đối tác nước ngoài. Trong trường hợp tỷ giá tăng, lĩnh vực xuất khẩu nông sản sẽ được hưởng lợi do đồng nội tệ VNĐ bị mất giá so với đồng ngoại tệ, tăng năng lực cạnh tranh hàng Việt Nam xuất khẩu. Ngược lại, trong trường hợp tỷ giá giảm, việc xuất khẩu nông sản chịu ảnh hưởng xấu. Do vậy, để chủ động và hạn chế rủi ro về tỷ giá, CRC luôn theo sát diễn biến tỷ giá trên thị trường, đồng thời tạo mối quan hệ với khách hàng, đối tác lâu năm. Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

### ➤ **Rủi ro lãi suất**

Với mô hình kinh doanh hiện nay của CRC, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Việc sử dụng các khoản vay, công cụ tài chính, sản phẩm phái sinh có lãi suất, đặt ra những thách thức cho Công ty về quản trị rủi ro lãi suất, đặc biệt là trong bối cảnh lạm phát tăng cao, nền kinh tế chịu tác động bởi những ảnh hưởng của việc thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt. Việc quản trị tốt rủi ro lãi suất giúp đảm bảo quản lý hiệu quả chi phí lãi vay. Do



vậy, Ban Tổng giám đốc Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất.

### ➤ **Rủi ro về luật pháp**

CRC là doanh nghiệp niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán... Trong những năm gần đây, để đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, Chính phủ đã ký kết nhiều hiệp định và các văn bản Luật cũng đã dần được ban hành, cập nhật mới. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Vì vậy, CRC luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

## 5.2 **Rủi ro đặc thù**

### ➤ **Rủi ro từ mảng sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và kinh doanh nông sản**

#### **Nguyên vật liệu:**

Đối với các nguyên liệu nông sản, vật liệu xây dựng được nhập trực tiếp từ nhà cung cấp như cao su, điều, gạch Ceramic..., việc kiểm soát rủi ro tăng giá đối với Công ty là khó khăn, do không chủ động được về nguồn sản xuất nguyên liệu. Vì vậy, CRC đã luôn chú trọng đến việc nghiên cứu thị trường để nắm bắt các biến động của thị trường, từ đó đưa ra các quyết định về giá bán phù hợp, cạnh tranh với thị trường, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

#### **Rủi ro cạnh tranh:**

Đối với thị trường sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: sản phẩm gạch tiêu thụ theo từng vùng nên các lò sản xuất gạch của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp cùng ngành nói chung cũng được phân bố dàn trải khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, mang lại sự cạnh tranh rất gay gắt. Để có thể giữ được vị thế trên thị trường, CRC đã không ngừng đa dạng các loại hàng hóa, cập nhật những xu hướng mới của thị trường vật liệu xây dựng đồng thời có những cải tiến về kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo, nâng cao được chất lượng sản phẩm; Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với thị trường nông sản: Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài từ năm 2019 đến nay, mảng kinh doanh này của Công ty đã trở nên vô cùng khó khăn khi lượng cung vượt quá cầu, lại thêm các rào cản về việc thông quan, xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các nước trên thế giới. Năm 2023, đại dịch đã được đẩy lùi, nhưng tình hình xuất nhập khẩu vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh Nga – Ukraina.

Để hạn chế rủi ro cạnh tranh, CRC đã chủ động xây dựng chiến lược cạnh tranh phù hợp mang lại các sản phẩm chất lượng cao, giá thành phù hợp với nhiều nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

➤ **Rủi ro từ mảng năng lượng tái tạo**

🚧 **Chính sách của Nhà nước:**

- **Cắt giảm giá điện:**

Sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá, cơ chế đấu thầu phát triển điện mặt trời ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Cụ thể mức giá mua điện mặt trời mái nhà năm 2021 trước đây là 9,35 cent/kWh đối với các dự án vận hành trước 1/7/2019, giảm xuống 8,38 cent/kWh đối với các dự án vận hành từ 1/7/2019 đến 31/12/2020. Hiện nay, Bộ công thương đang hoàn tất dự thảo cơ chế giá điện mặt trời áp mái thay thế cho cơ chế tại Quyết định 13 và dự kiến giá điện mặt trời áp mái sẽ còn khoảng 5,3 - 5,8 cent/kWh, giảm khá sâu so với mức 8,38 cent/kWh.

- **Cắt giảm công suất:**

Sự bùng nổ của các dự án điện mặt trời mặt đất và áp mái trong năm 2020 có thể gây rủi ro cắt giảm công suất điện mặt trời. Sự phát triển quá nhanh của các dự án điện tái tạo khiến lưới điện đầu tư không theo kịp làm nhiều nhà máy phải giảm phát tới 60% công suất. Về vấn đề này, Bộ Công thương đã yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia tính toán và công bố mức điều tiết giảm công suất huy động của các nhà máy điện, chỉ huy thực hiện, phù hợp cơ cấu nguồn điện đang phát, công suất truyền tải giữa các vùng, miền, mức dự phòng quay và dự phòng khởi động nhanh cần thiết. Đối với các dự án điện mặt trời do CRC và công ty con quản lý vận hành, do 100% là dự án điện mặt trời áp mái tại các khu vực ít bị quá tải đường truyền, nên tại dự án điện mặt trời áp mái ghi nhận cắt giảm điện chưa đáng kể trong năm 2023.

🚧 **Tiến độ triển khai dự án:**

Các chính sách khuyến khích đối với các dự án năng lượng tái tạo hiện đang khá hấp dẫn, tuy nhiên, khoảng thời gian để hưởng ưu đãi khá ngắn đã tạo ra rủi ro đối với các dự án không thể hoàn thành kịp tiến độ. Ngoài ra, các địa phương có tiềm năng phát triển điện sạch cũng chưa quy hoạch sử dụng đất cho loại hình mới này dẫn đến việc mất thời gian, thủ tục cho bổ sung quy hoạch. Hiện nay, các địa phương vẫn chưa có quy trình về công bố thông tin dự án cho các nhà đầu tư mà chủ yếu các nhà đầu tư vẫn tự tìm địa điểm để xin cấp phép đầu tư gây ra sự chông chéo quy hoạch, khó triển khai dự án. Để hạn chế những bất cập này, Công ty luôn khảo sát, đánh giá kỹ lưỡng các dự án trước khi đầu tư, đồng thời tìm hiểu, nghiên cứu các chính sách, quy hoạch tại địa phương và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục pháp lý của dự án để tiến độ triển khai không bị gián đoạn.

## Thời tiết

Bức xạ mặt trời là yếu tố quyết định sản lượng điện của các nhà máy điện mặt trời. Bức xạ mặt trời ở các khu vực là khác nhau, phụ thuộc vào lượng mây, tầng khí quyển. Ngoài ra, số ngày không có nắng trung bình trong năm cũng liên quan đến bức xạ mặt trời, dẫn đến việc ắc-quy dự trữ điện năng sẽ bị kiệt và tải điện phải ngừng hoạt động. CRC và các công ty thành viên đã và đang tham gia một loạt dự án điện mặt trời áp mái. Để hạn chế rủi ro thời tiết, Công ty luôn thực hiện đánh giá điều kiện tự nhiên tại dự án, từ đó điều chỉnh kế hoạch vận hành nhà máy cũng như lên phương án hạn chế tối đa những thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi. Các dự án điện mặt trời của Công ty tập trung chủ yếu vào khu vực Nam Trung Bộ với số giờ nắng đều từ khoảng 1.800 giờ/năm trở lên.

## CHƯƠNG II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

### 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Tăng giảm
Doanh thu thuần	356,60	300,28	↓ 15%
Lợi nhuận trước thuế	21,322	21,455	↑ 0,6%
Lợi nhuận sau thuế	20,132	20,602	↑ 2,3%
Tỷ lệ cổ tức	-		

*Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán của CRC*

#### 1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất của CRC

*Đơn vị tính: triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Tăng giảm
Doanh thu thuần	421,735	354,3	↓ 16%
Lợi nhuận trước thuế	25,764	30,324	↑ 17,7%
Lợi nhuận sau thuế	24,537	29,453	↑ 20%

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán của CRC*

### 1.3 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% TH 2023/ KH 2023	% TH 2023/ TH 2022
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	318	300	94,34%	100%
1. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	512	354,3	69,2%	84%
2. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30	29,453	98,2%	120%
3. Cổ tức	%	6%			

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2023

Do kế hoạch tăng vốn của CRC không thể hoàn thành trong năm 2023 mà phải kéo dài sang năm 2024, nên kế hoạch sản xuất kinh doanh của CRC đã được triển khai theo kế hoạch 1 tại đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023.

## 2 Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Dương Thị Huyền	24/04/1987	Tổng giám đốc	08/07/2020
2	Vũ Thị Thủy	06/06/1978	Phó Tổng giám đốc	19/04/2023
3	Nguyễn Thị Thúy Nga	036193006444	Kế toán trưởng	19/04/2023

(Trong năm doanh nghiệp có bổ nhiệm bà Vũ Thị Thủy – Phó Tổng giám đốc và Bà Nguyễn Thị Thúy Nga là Kế toán trưởng của Công ty)

#### ❖ Bà Dương Thị Huyền – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Dương Thị Huyền

- Ngày sinh : 24/04/1987
- Số CMND : 001187000765
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ năm 2012 đến năm 2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
Từ năm 2013 đến năm 2015	Kế toán trưởng nhà máy gạch Tuynel Alpha
Từ năm 2010 đến năm 2017	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2017 đến năm 2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2020 đến nay	Tổng Giám đốc CTCP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Công nghệ CRC Giám đốc CTCP CRC Power Giám đốc CTCP CRC Invest
Từ năm 2022 đến nay	Giám đốc CTCP Công nghệ CRC Giám đốc Công ty cổ phần CRC Invest; Giám đốc Công ty cổ phần CRC Power; Giám đốc Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp; Giám đốc Công ty cổ phần Resun Việt Nam; Giám đốc Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam; Giám đốc Công ty cổ phần Xây Lắp Điện Lâm Đồng; Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng CRC Solar.

❖ **Bà Vũ Thị Thủy – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên : Vũ Thị Thủy
- Ngày sinh : 06/06/1978
- Số CMND : 031091198
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tân Liên - Vĩnh Bảo - Hải Phòng
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ T06/2002 đến T04/2006	Kế toán thuế - CTCP thép Hòa Phát
Từ T04/2016 đến năm 2016	Kế toán trưởng - CTCP đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Tân Hà An
Từ năm 2017 đến năm 2018	Kế toán trưởng – Công ty Nam Thành
Từ năm 2019 đến năm 2020	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2020 đến T4/2023	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2021 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Công nghệ CRC
T4/2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

**a. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Kế toán trưởng**

- Họ và tên : Nguyễn Thị Thúy Nga
- Ngày sinh : 12/02/1993
- Số CMND : 163149892
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Cù Chính Lan, Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, Nam Định

- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T9/2015 đến T4/2022	Kế toán thuế - CTCP Create Capital Việt Nam
Từ T4/2022 đến T4/2023	Phó Phòng Kế toán - CTCP Create Capital Việt Nam
Từ năm T4/2023 đến nay	Kế toán trưởng – CTCP Create Capital Việt Nam

## 2.2 Tình hình nhân sự của Công ty

### Cơ cấu nhân sự của CRC (Hợp nhất)

Loại lao động	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	<b>35</b>	<b>27</b>	<b>25</b>
1. Trình độ trên đại học	1	1	1
2. Trình độ đại học	23	20	18
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	0	0	0
4. Công nhân kỹ thuật	3	3	3
5. Lao động khác	8	3	3
<b>II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>35</b>	<b>27</b>	<b>25</b>
1. Lao động không xác định thời hạn	33	26	25
2. Lao động trong thời gian thử việc	2	1	0
<b>Tổng</b>	<b>35</b>	<b>27</b>	<b>25</b>

*Nguồn: CTCP Create Capital Việt Nam*

### Chính sách đối với người lao động

- Chính sách đào tạo và văn hóa doanh nghiệp: Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để các CBCNV của Công ty có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực làm việc độc lập và năng lực làm việc tập thể của người lao động. Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo quy trình chặt chẽ.



- Chính sách tuyển dụng: Công ty có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín; chính sách trả công minh bạch, đảm bảo đời sống cho người lao động. Ngoài ra, Công ty sử dụng hiệu quả quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi đồng viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hóa doanh nghiệp.
- Chính sách về thời gian làm việc, các chế độ phúc lợi: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính, không quá 04 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày đối với lái xe, nhân viên phục vụ. Các chế độ về thời gian nghỉ lễ, phép, thai sản ... được đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty đã xây dựng văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ tiện nghi cần thiết phục vụ nhân viên trong khi làm việc. Công đoàn Công ty chăm lo đến đời sống tinh thần cho người lao động trong Công ty, tổ chức việc khám sức khỏe định kỳ, phong trào thể thao, du lịch, văn thể mỹ ... đều được đảm bảo.
- Chính sách về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật. Hệ số lương của người lao động được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc, thâm niên của người lao động; Công ty tổ chức khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích người lao động cống hiến cho Công ty. Các chế độ y tế, bảo hiểm xã hội, thuế... đều được Công ty đảm bảo thực hiện theo các quy định hiện hành.

### **3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **3.1 Tình hình đầu tư**

Thực hiện chủ trương và định hướng chiến lược mới của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã sàng lọc để tập trung đầu tư vào các dự án được kỳ vọng đem lại hiệu quả cao trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đồng thời kiểm soát chặt chẽ được vốn đầu tư của mình.

Dự kiến trong năm 2024, sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty sẽ tiến hành M&A Công ty cổ phần CRC Solar Cell – Công ty sản xuất pin năng lượng mặt trời tại Khu công nghiệp Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình nhằm thực hiện mục tiêu trở thành tập đoàn kinh tế mạnh trong lĩnh vực điện năng lượng tái tạo.

#### **3.2 Hiệu quả đầu tư**

Hiện nay CRC không trực tiếp quản lý và đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời nhưng thông qua Công ty con là Công ty CP Công nghệ CRC (CRC Tech). Hiệu quả đầu tư mà CRC Tech mang lại là doanh thu từ việc bán điện từ các dự án điện mặt trời do Công ty quản lý trực tiếp/gián tiếp. Các dự án điện mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận năm 2023 cụ thể như sau:

Đơn vị: Việt Nam đồng

STT	Tên Công ty	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty cổ phần Công nghệ CRC	5.727.592.308	19.742.730.246
2	Công ty cổ phần Canadian Việt Nam	3.236.875.836	1.666.538.100
3	Công ty cổ phần CRC Power	6.345.558.752	3.169.233.708
4	Công ty cổ phần CRC Invest	6.843.932.126	3.636.341.062
5	CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	2.999.096.776	1.268.876.043
6	CTCP Vinasolar Đồng Tháp	3.041.852.230	772.675.427
7	CTCP Xây lắp điện Lâm Đồng	3.393.042.174	1.741.283.718
8	CTCP Jinca Việt Nam	5.509.701.654	2.233.136.328
9	CTCP Elecsun Việt Nam	3.305.964.932	1.617.210.551
10	CTCP Cung cấp năng lượng điện mặt trời	3.319.412.384	1.607.656.582
11	CTCP Vinasolar Bảo Lộc	2.223.287.520	40.592.242
12	CTCP Resun Việt Nam	2.083.860.278	842.303.290
13	CTCP Năng lượng xanh Kosun	3.003.983.754	1.697.838.806
14	CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh	2.984.998.910	1.433.044.619

#### 4 Tình hình tài chính

##### 4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	645.977.863.259	647.983.321.963	↑ 0,3%
Doanh thu thuần	421.735.616.888	354.308.685.197	↓ 16%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.008.479.994	29.891.641.122	↑ 15%
Lợi nhuận khác	(244.295.504)	432.123.201	↓ 276%
Lợi nhuận trước thuế	25.764.184.490	30.323.764.323	↑ 17,7%
Lợi nhuận sau thuế	24.537.056.504	29.453.188.175	↑ 20%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022,2023 CRC đã được kiểm toán

#### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,66	1,73	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,31	1,43	
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	28,04%	27,38%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	38,96%	37,7%	
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,23	6,82	
+ Vòng quay tổng tài sản:	0,76	0,6	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,65%	6,82%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,7%	5,49%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,29%	4,08%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,17%	8,4%	

## 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần:


- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: **30.000.000** cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **30.000.000** cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần

## 5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2023

ST T	Cổ đông	Số lượng cổ đông (CP)	Số cổ phần (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	2.686	29.892.830	298.928.300.000	99,64
1	Tổ chức	8	28.380	283.800.000	0,09
2	Cá nhân	2.678	29.864.450	298.644.500.000	99,55
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	18	107.170	1.071.700.000	0,36
1	Tổ chức	7	74.670	746.700.000	0,25
2	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư NN nắm giữ trên 50% VDL(*)	-	-	-	-
3	Cá nhân	11	32.500	325.000.000	0,11
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.704</b>	<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100</b>

## 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1 Báo cáo tác động đến môi trường

 **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm dịch vụ chính của tổ chức:**

+ Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng trong sản xuất tại các nhà máy là khoảng 10% đến 20%.

+ Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được Công ty khoán định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.

+ Việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến không những nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm đáng kể nhiên liệu cho Công ty.

### **Tiêu thụ năng lượng**

+ Lượng xăng dầu tiêu thụ của Công ty trong năm 2023 ước tính khoảng 30.552 lít. Việc tiêu thụ xăng dầu chủ yếu đến từ nhu cầu sử dụng các xe tải vận chuyển hàng hóa, các xe máy chuyên dụng dùng trong sản xuất, các phương tiện đi lại công tác trong vùng, định kỳ ghé thăm các đại lý bán hàng, v.v...

+ Lượng điện tiêu thụ trong năm của Công ty là 570.000 Kw.

+ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả Công ty đã xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, điện trong sản xuất kinh doanh theo chính sách sử dụng hiệu quả tiết kiệm nhờ đó tổng năng lượng tiêu hao giảm đáng kể.

#### **Tiêu thụ nước**

Nguồn nước công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư. Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, dễ sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

#### **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

+ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

+ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

## **6.2 Báo cáo tác động đến xã hội của Công ty**

### **Báo cáo trách nhiệm với Người lao động**

+ Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty là 10.500.000 đồng/người/tháng, và đây cũng là mức lương tương đương với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

+ Mọi quan hệ lao động giữa Công ty và người lao động được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo mọi quy định của pháp luật.

+ Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách lương thưởng, đãi ngộ và môi trường làm việc đối với người lao động thông theo như được ký kết.

+ Mọi quyền lợi của người lao động (đặc biệt là lao động nữ) đều được đảm bảo theo Bộ luật lao động và quy định của Nhà nước.

+ Công ty chú trọng đầu tư tạo ra môi trường làm việc đoàn kết bằng các hoạt động tổ chức du lịch, team building cho cán bộ nhân viên hằng năm, chúc mừng sinh nhật cho các nhân viên có sinh nhật trong tháng,... Giúp cho người lao động gắn kết và phát huy được tinh thần làm việc tập thể.

+ Ngoài 12 tháng lương cơ bản, mỗi năm người lao động còn được thưởng thêm một tháng lương thứ 13 vào dịp Tết Âm lịch; Vào các ngày lễ Tết Dương lịch, Quốc tế lao động, Quốc Khánh ... hàng năm, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động.

+ Về chương trình đào tạo người lao động: Hàng năm, công ty đều thực hiện đầu tư trang thiết bị và tổ chức các khóa huấn luyện bảo hộ lao động, đồng thời, tích cực thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các cán bộ chuyên môn chủ chốt của Công ty thường xuyên được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ như thuế, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán để có thể hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ mà HĐQT, cũng như Đại hội đồng cổ đông giao phó.

 **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

+ Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao tới cộng đồng.

+ Là một đơn vị trong khu vực kinh tế tư nhân, Công ty đã đóng góp hơn 850 triệu tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2023.

+ Tạo ra công ăn việc làm và giúp cải thiện đời sống của người dân địa phương.

### **CHƯƠNG III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1 Tình hình sản xuất kinh doanh**

Năm 2023, những thay đổi về kinh tế địa chính trị đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế thế giới. Những ảnh hưởng từ khó khăn tài chính, lạm phát tăng cao đã gây lên áp lực tăng giá đặc biệt là giá xăng dầu và nhiên vật liệu. Đồng thời, xung đột giữa Nga và Ukraina, việc Trung Quốc tiếp tục áp dụng chính sách zero-Covid cũng đã ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, nguy cơ khủng hoảng năng lượng, lương thực ở mức cao.

Với bối cảnh nền kinh tế nhiều biến động xấu đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam. Tổng cầu suy yếu, thị trường thu hẹp nhất là ở các thị trường lớn ở Việt Nam. Thêm vào đó, giá một số mặt hàng chiến lược, nguyên liệu đầu vào không ổn định tiềm ẩn nguy cơ tăng giá.

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 được trình bày tại chương II mục 1 cho thấy chỉ số doanh thu của Công ty chỉ đạt 69,2% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, nguyên nhân chủ yếu là do xung đột Nga – Ukraina đã ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu nông sản của Công ty, thêm vào đó tình hình kinh doanh vật liệu xây dựng cũng gặp nhiều khó khăn do suy giảm nền kinh tế. Nhằm bắt được tình hình kinh tế nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã có những điều chỉnh linh hoạt trong định hướng kinh doanh, tập trung phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo để đảm bảo được mức tăng trưởng lợi nhuận theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 2 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ Giảm %
<b>I. Tình hình tài sản</b>			
Tổng tài sản	645.977.863.259	647.983.321.963	↑ 0,3%
Tài sản ngắn hạn	277.921.149.180	272.362.338.803	↓ 2%
Tài sản dài hạn	368.056.714.079	375.620.983.160	↑ 2%
<b>Tình hình nợ phải trả</b>			
Tổng nợ phải trả	272.486.103.020	245.601.723.549	↓ 10%
Nợ ngắn hạn	170.755.816.655	169.953.078.442	↓ 0,5%
Nợ dài hạn	101.730.286.365	75.648.645.107	↓ 25%

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2023*

- Nợ phải trả dài hạn của Công ty đến 31/12/2023 giảm trên 25% so với cùng kỳ năm 2022 là do các công ty con thanh toán các khoản nợ dài hạn đến kỳ thanh toán.

## 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2023, công ty giữ nguyên cơ cấu tổ chức, chính sách đồng bộ nhất quán theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Công ty đang dần chuyển hướng vận hành sang đánh giá xếp loại Cán bộ nhân viên, từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá hiệu quả làm việc của từng phòng ban, cá nhân và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho Người lao động.

- Công ty đang thử nghiệm áp dụng công nghệ số vào quản lý doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý.

## 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường công tác quản lý nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, căn cứ trên kết sản xuất kinh doanh năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tiến hành giao kế hoạch (doanh thu, lợi nhuận,...) đến từng Nhà máy, Phòng ban.;

- Duy trì, vận hành các dự án đang quản lý để đảm bảo lợi nhuận tốt từ các dự án.

- Triển khai M&A nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời phát triển sản phẩm pin do người Việt Nam sản xuất vươn ra thị trường thế giới;

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng hai nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời tại Khu Công nghệ Cao Đà Nẵng và Khu công nghiệp Minh Quân, Yên Bái;



- Xây dựng thương hiệu các sản phẩm CRC trở thành thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế;
- Tập trung công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên. Khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng các yêu cầu của công việc;

## **CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2023, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động, các mặt hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tốt và đúng định hướng. Tuy không đạt được mức tăng trưởng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 nhưng Công ty vẫn tiếp tục duy trì ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao.

Về vấn đề liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng và đề cao trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, phúc lợi xã hội. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, tiến bộ và có thu nhập cao.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

- Thông qua hoạt động giám sát, HĐQT Công ty đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2023, cụ thể:
  - Công tác giám sát, hỗ trợ các thành viên Công ty trong hoạt động kinh doanh được thực hiện rất sát sao thông qua việc đánh giá kết quả kinh doanh, chỉ tiêu phát triển hàng tháng/quý.
  - Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, tham dự đầy đủ và tích cực đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT.
  - Định kỳ hàng quý, Ban điều hành báo cáo cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của Công ty, thảo luận và chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược đã đề ra.
  - Trong quá trình hoạt động, Ban TGD nghiêm túc và tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định và Thông báo của HĐQT. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
  - Tăng cường công tác quản trị công ty phù hợp luật định hiện hành đối với công ty cổ phần, bao gồm công ty mẹ, công ty con, và các công ty liên kết;

- Thực hiện CBTT minh bạch, công khai, kịp thời về tình hình quản trị công ty và tình hình tài chính cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

## CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1 Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Mai Anh Tám	25/03/1967	027067000131	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hoàng Trung Kiên	29/09/1981	013251012	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Phạm Văn Trường	14/05/1981	024081002452	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Lê Thành Nhân	20/08/1952	001052007714	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
5	Bà Dương Thị Huyền	24/04/1987	001187000765	Thành viên Hội đồng quản trị

#### Ông Mai Anh Tám – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên : Mai Anh Tám
- Ngày sinh : 25/03/1967
- Số CMND : 027067000131
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1997 đến năm 2000	Trưởng chi nhánh kinh doanh Miền Trung Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hà Nội Viglacera, thuộc Tổng Công ty Viglacera

Từ năm 2000 đến năm 2002	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Liên doanh Yên Hà Viglacera, thuộc Tổng Công ty Viglacera
Từ năm 2002 đến năm 2010	Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến, thuộc Tổng công ty Viglacera
Từ năm 2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phụ gia Bê tông Phả Lại Chủ tịch HĐQT CTCP Hăng Sơn Đông Á

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phụ gia Bê tông Phả Lại
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hăng sơn Đông Á
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 2.000.000 cổ phần (tương ứng với 6,67% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) VDL
Mai Anh Đức	Con ruột	1.404.480	4,68

#### Ông Hoàng Trung Kiên – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Hoàng Trung Kiên
- Ngày sinh : 29/09/1981
- Số CMND : 013251012
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tô 2 - Bàng A - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T09/2003 đến T04/2007	Kế toán Tổng hợp CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ T04/2007 đến T03/2010	Phó phòng kế toán CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ T04/2010 đến T03/2011	Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ T03/2011 đến năm 2013	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
Từ năm 2013 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Eco Green Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Eco Green Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần (tương ứng với 0,015% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

#### Ông Phạm Văn Trường – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Phạm Văn Trường
- Ngày sinh : 14/05/1981
- Số CMND : 024081002452
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Khu 10, Đại Phúc, Bắc Ninh
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2006-2011	Kỹ sư Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
2011-2016	Giám đốc Công ty cổ phần Hưng Long
Từ năm 2016 đến nay	Giám đốc CTCP Hoàng Minh

Từ 5/2022 đến nay	Giám đốc CTCP Hoàng Minh Thành viên HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam
-------------------	--

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Hoàng Minh
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

 **Ông Lê Thành Nhân – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : Lê Thành Nhân
- Ngày sinh : 20/08/1952
- Số CMND : 001052007714
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : CH. 704 A, CC Cao Cấp Sông Đà, 110 Trần Phú, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Giáo sư Tiến sĩ khoa học Toán Tin
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1968 đến năm 1978	Nghiên cứu viên, Viện Kỹ Thuật Quân Sự, Bộ Quốc phòng
Từ năm 1979 đến năm 1986	Nghiên cứu sinh, du học tại Pháp
Từ năm 1987 đến năm 2017	Giáo sư Tiến sĩ Khoa học, Đại học Sophia-Antipolis, Pháp
Từ năm 2018 đến năm 2020	Viện trưởng Viện Công nghệ Quốc tế DNIIT, Đại Học Đà Nẵng
Từ năm 2020 đến nay	Viện trưởng Viện Công nghệ Quốc tế DNIIT, Đại Học Đà Nẵng Thành viên HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Viện trưởng Viện Công Nghệ Quốc tế DNIIT, Đại học Đà Nẵng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

 **Bà Dương Thị Huyền – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ và tên : Dương Thị Huyền
- Ngày sinh : 24/04/1987
- Số CMND : 001187000765
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2012 đến năm 2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
Từ năm 2013 đến năm 2015	Kế toán trưởng nhà máy gạch Tuynel Alpha
Từ năm 2010 đến năm 2017	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2017 đến năm 2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2020 đến nay	Tổng Giám đốc CTCP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Công nghệ CRC Giám đốc CTCP CRC Power Giám đốc CTCP CRC Invest
Từ năm 2022 đến nay	Giám đốc CTCP Công nghệ CRC

Giám đốc Công ty cổ phần CRC Invest;  
 Giám đốc Công ty cổ phần CRC Power;  
 Giám đốc Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp;  
 Giám đốc Công ty cổ phần Resun Việt Nam;  
 Giám đốc Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam;  
 Giám đốc Công ty cổ phần Xây Lắp Điện Lâm Đồng;  
 Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng CRC Solar.

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Giám đốc CTCP Công nghệ CRC
  - + Giám đốc Công ty cổ phần CRC Invest;
  - + Giám đốc Công ty cổ phần CRC Power;
  - + Giám đốc Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp;
  - + Giám đốc Công ty cổ phần Resun Việt Nam;
  - + Giám đốc Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam;
  - + Giám đốc Công ty cổ phần Xây Lắp Điện Lâm Đồng;
  - + Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng CRC Solar.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 650.000 cổ phần (tương ứng với 2,17% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

## 1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị

### Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Mai Anh Tám	13/13	100%	
2	Bà Dương Thị Huyền	13/13	100%	
3	Ông Hoàng Trung Kiên	13/13	100%	
4	Ông Lê Thành Nhân	13/13	100%	
5	Ông Phạm Văn Trường	13/13	100%	



### **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:**

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng chức năng, thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty:

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT, cuộc họp giao ban hàng tuần/tháng của Ban Tổng Giám đốc và các Báo cáo hoạt động định kỳ;
- HĐQT tổ chức làm việc trực tiếp theo những vấn đề xét thấy cần thiết, có sự phân công rõ ràng cho Ban Tổng giám đốc triển khai và thực hiện công việc.
- Đảm bảo tất cả các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng pháp luật, chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

### **Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): *Không có***

### **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2023:**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	0903/2023/CRC/ NQ-HĐQT	09/03/2023	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	5/5
2	2103/2023/CRC/ NQ-HĐQT	21/03/2023	Thông qua việc lùi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	5/5
3	2203/2023/CRC/ NQ-HĐQT	22/03/2023	Thông qua giao dịch của Công ty với các bên có liên quan	5/5
4	1004/2023/CRC/ NQ-HĐQT	10/04/2023	Thông qua việc ủy quyền cho cá nhân gửi tiết kiệm	5/5
5	08/QĐ-CRC/2023	18/04/2023	Thông qua việc bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc	5/5
6	13/QĐ-CRC/2023	18/04/2023	Thông qua việc miễn nhiệm kế toán trưởng	5/5
7	14/QĐ-CRC/2023	18/04/2023	Thông qua việc bổ nhiệm vị trí kế toán trưởng	5/5
8	0506/2023/CRC/ NQ-HĐQT	05/06/2023	Thông qua điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CRC	5/5

9	2605/2023/CRC/ NQ-HĐQT	26/05/2023	Thông qua việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	5/5
10	2605.1/2023/CRC /NQ-HĐQT	26/05/2023	Thông qua các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	5/5
11	0506/2023/CRC/ NQ-HĐQT	05/06/2023	Thông qua điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ của CRC	5/5
12	0307/2023/CRC/ NQ-HĐQT	03/07/2023	Thông báo việc xin tạm dừng xem xét hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2022	5/5
13	0907.2/2023/CRC /NQ-HĐQT	09/07/2023	Thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ	5/5
14	0907/2023/CRC/ NQ-HĐQT	09/07/2023	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022, chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	5/5
15	1007.1/2023/CRC /NQ-HĐQT	10/07/2023	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra Công chúng của Công ty	5/5
16	1007.2/2023/CRC /NQ-HĐQT	10/07/2023	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty	5/5
17	0509/2023/CRC/ NQ-HĐQT	05/09/2023	Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết HĐQT số 0907/2023/CRC/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 0907.2/2023/CRC/NQ-HĐQT ngày 09/07/2023	5/5
18	0509.1/2023/CRC /NQ-HĐQT	05/09/2023	Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty	5/5
19	0509.2/2023/CRC /NQ-HĐQT	05/09/2023	Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu riêng lẻ của Công ty	5/5

20	1411/2023/CRC/ NQ-HĐQT	14/11/2023	Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết HĐQT số 09/07/2023, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0907.2/2023/CRC/NQ-HĐQT ngày 09/07/2023 và Nghị quyết HĐQT số 0509/2023/CRC/NQ-HĐQT ngày 05/09/2023	5/5
21	1411.1/2023/CRC /NQ-HĐQT	14/11/2023	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng	5/5
22	1411.2/2023/CRC /NQ-HĐQT	14/11/2023	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ	5/5
23	0512/2023/CRC/ NQ-HĐQT	05/12/2023	Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết HĐQT số 1411/2023/CRC/NQ-HĐQT	5/5
24	0512.2/2023/CRC /NQ- HĐQT	05/12/2023	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ	5/5

## 2 Ban Kiểm soát

### 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

#### Danh sách Kiểm soát viên của CRC

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Huế	19/07/1993	122118679	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Hà Thị Hiến	06/02/1985	019185001019	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Văn Nhu	15/05/1986	135194349	Thành viên Ban kiểm soát

#### Bà Phạm Thị Huế – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Phạm Thị Huế
- Ngày sinh : 19/07/1993
- Số CMND : 122118679
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Cẩm Lý, Lục Nam, Bắc Giang
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2018 đến năm 2019	Nhân viên kế toán – CTCP Create Capital
Từ năm 2019 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 725.000 cổ phần (tương ứng với 2,42% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) VĐL
Phạm Văn Bình	Bố ruột	100	0,00033
Đào Thị Liên	Mẹ ruột	100	0,00033


 **Bà Hà Thị Hiến – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên : Hà Thị Hiến
- Ngày sinh : 06/02/1985
- Số CMND : 019185001019
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Khu 8 Vũ Yên – Thanh Ba – Phú Thọ
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2016 đến T01/2017	Kế toán viên – Công ty CP Haceco
Từ T02/2017 đến T06/2017	Phó giám đốc – Công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum

Từ T07/2017 đến T06/2018	Phó giám đốc Công ty TNHH Trường Sơn
Từ T06/2018 đến T07/2018	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn
Từ T07/2018 đến năm 2020	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn Giám đốc Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc
Từ năm 2020 đến nay	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn Kế toán – Công ty TNHH Vận tải Lucky Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần (tương ứng với 0,00033% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

 **Ông Nguyễn Văn Nhu – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Nhu
- Ngày sinh : 15/05/1986
- Số CMND : 135194349
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Xã Kim Xá, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T12/2015 đến T06/2020	Kế toán trưởng công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc
Từ T06/2020 đến Nay	Kế toán trưởng công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Gạch ngói Vĩnh Phúc
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần (tương ứng với 0,006% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

## 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

### Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Thị Huế	4/4	100%	100%	
2	Hà Thị Hiến	4/4	100%	100%	
3	Nguyễn Văn Nhu	4/4	100%	100%	

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung cụ thể các công việc bao gồm:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đúng các chức năng, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật;
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty;
- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng giám đốc Công ty cung cấp;
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật, bao gồm: nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm và các nghĩa vụ tài chính khác;
- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán bán niên và

báo cáo tài chính kiểm toán năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, thẩm định các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

### **✚ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát và phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc như cung cấp thông tin tài liệu, Ban Kiểm soát đã kiểm tra rà soát các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như tình hình phát triển của công ty.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cũng như không nhận được bất kỳ thư, đơn kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và thẩm định Báo cáo tài chính, đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.

Kiểm tra các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động), nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ và ngoài công ty.

### **3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **➤ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương và thù lao	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>60.000.000</b>	
1	Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	
2	Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	12.000.000	
3	Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	12.000.000	
4	Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	12.000.000	



6	Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	12.000.000	
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>18.000.000</b>	
1	Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	6.000.000	
2	Nguyễn Văn Nhu	Thành viên BKS	6.000.000	
3	Hà Thị Hiến	Thành viên BKS	6.000.000	
<b>III</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>		<b>235.439.430</b>	
1	Dương Thị Huyền	Tổng giám đốc	47.996.154	
2	Vũ Thị Thủy	Phó Tổng giám đốc	118.050.000	
3	Nguyễn Thị Thúy Nga	Kế toán trưởng	69.393.276	

➤ **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có**

➤ **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Thời điểm giao dịch	Loại giao dịch	Giá trị (tỷ đồng)	Tình trạng hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận giao dịch
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	Bên có liên quan của TV HĐQT	Năm 2023	Hợp đồng mua bán hàng hóa	4,060	Đã chấm dứt	Không có	Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	Bên có liên quan của TV HĐQT	Năm 2023	Mua hàng hóa	8,382	Đã chấm dứt	Không có	Hội đồng quản trị
Ông Mai Anh Đức	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	Năm 2023	Thuê đất	0,223	Đã thực hiện	Không có	Hội đồng quản trị

**CHƯƠNG VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)**

*Nơi nhận:*

- UBCK;
- HOSE;
- Lưu: TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CREATE  
CAPITAL  
VIỆT  
NAM

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN CREATE  
CAPITAL VIỆT NAM  
DN: C=VN, S=Hà Nội,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
CREATE CAPITAL VIỆT  
NAM,  
OID.0.9.2342.19200300.1  
00.1.1=MST:0105087537  
Reason: I am the author of  
this document  
Location: your signing  
location here  
Date: 2024.03.28 16:17:  
32+07'00'  
Foxit PDF Reader  
Version: 11.0.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	02 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 45

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

### **2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/4/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu. Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ngoài những sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh trong kỳ và sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 45, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam



**DƯƠNG THỊ HUYỀN**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024





Số: 027/2024/BCKTHN-HT.00168

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 27/3/2024, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 31/3/2023.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**NGUYỄN ĐĂNG SỸ**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3725-2021-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>272.362.338.803</b>	<b>277.921.149.180</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>64.520.287.292</b>	<b>29.177.886.751</b>
Tiền	111		28.500.287.292	16.177.886.751
Các khoản tương đương tiền	112		36.020.000.000	13.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>48.820.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		48.820.000.000	400.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>95.395.827.597</b>	<b>173.459.648.880</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.927.677.085	36.301.708.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	76.327.886.077	100.040.252.002
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.223.264.590	37.939.232.204
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(83.000.155)	(821.543.952)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>42.321.480.957</b>	<b>49.474.640.835</b>
Hàng tồn kho	141		42.321.480.957	49.474.640.835
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.304.742.957</b>	<b>25.408.972.714</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	246.903.595	151.188.121
Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.029.387.554	25.257.784.593
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	28.451.808	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>375.620.983.160</b>	<b>368.056.714.079</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.450.000.000</b>	<b>42.450.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	42.450.000.000	42.450.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.547.914.106</b>	<b>274.289.313.569</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	265.547.914.106	274.289.313.569
- Nguyên giá	222		317.791.498.827	308.183.572.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.243.584.721)	(33.894.258.625)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>66.467.816.733</b>	<b>44.005.124.330</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	66.467.816.733	44.005.124.330
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	500.000.000	6.790.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>655.252.321</b>	<b>522.276.180</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	655.252.321	504.531.755
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	-	17.744.425
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>647.983.321.963</b>	<b>645.977.863.259</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>245.601.723.549</b>	<b>272.486.103.020</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>169.953.078.442</b>	<b>170.755.816.655</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.637.310.923	10.031.876.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	127.247.148	1.307.392.640
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.304.651.897	1.458.951.671
Phải trả người lao động	314		24.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	445.049.212	552.695.743
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.419.800.500	967.450.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	161.995.018.762	156.437.450.025
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>75.648.645.107</b>	<b>101.730.286.365</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		115.989.115	204.711.241
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	75.532.655.992	101.525.575.124
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>402.381.598.414</b>	<b>373.491.760.239</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>402.381.598.414</b>	<b>373.491.760.239</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.544.253.212	57.794.531.547
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.716.531.547	33.775.430.460
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.827.721.665	24.019.101.087
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.191.740.277	5.051.623.767
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>647.983.321.963</b>	<b>645.977.863.259</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc *CH*

NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THỦY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>354.308.685.197</b>	<b>421.735.616.888</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>354.308.685.197</b>	<b>421.735.616.888</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	304.274.633.016	373.653.166.138
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>50.034.052.181</b>	<b>48.082.450.750</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.045.462.222	1.301.466.257
Chi phí tài chính	22	6.4	15.747.596.017	16.690.029.320
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.549.986.661	16.440.264.937
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	435.153.672	1.382.364.850
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.005.123.592	5.303.042.843
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>29.891.641.122</b>	<b>26.008.479.994</b>
Thu nhập khác	31	6.7	481.523.081	709.663.467
Chi phí khác	32	6.8	49.399.880	953.958.971
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>432.123.201</b>	<b>(244.295.504)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>30.323.764.323</b>	<b>25.764.184.490</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	852.831.723	1.200.499.932
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	17.744.425	26.628.054
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>29.453.188.175</b>	<b>24.537.056.504</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		28.827.721.665	24.019.101.087
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		625.466.510	517.955.417
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	<b>6.12</b>	<b>961</b>	<b>798</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>	<b>6.12</b>	<b>480</b>	<b>798</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.323.764.323	25.764.184.490
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.584.432.427	17.247.470.239
Các khoản dự phòng	03		(738.543.797)	821.543.952
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		78.632.260	(44.672.907)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(853.402.513)	(1.238.333.590)
Chi phí lãi vay	06		15.550.064.383	16.440.264.937
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>62.944.947.083</b>	<b>58.990.457.121</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		54.350.746.472	(48.231.201.700)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		6.584.437.778	46.123.581.279
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(8.017.357.593)	(39.571.793.930)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(246.436.040)	(561.534.839)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.644.765.709)	(16.169.816.023)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(947.196.305)	(754.335.102)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>99.024.375.686</b>	<b>(174.643.194)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.716.672.751)	(33.935.490.788)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		179.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(83.420.000.000)	(400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.290.000.000	100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.573.000.000	10.775.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		926.680.261	507.829.970
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(43.167.992.490)</b>	<b>(22.952.660.818)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm nay
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	389.013.432.123	373.479.032.767
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(409.530.469.648)	(356.920.470.802)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(69.990.291)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.517.037.525)</b>	<b>16.488.571.674</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>29.177.886.751</b>	<b>35.790.959.278</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.054.870	25.659.811
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>64.520.287.292</b>	<b>29.177.886.751</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 300.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.****1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc tập đoàn**

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có 01 công ty con cấp 1 (tại ngày 01/01/2023: 01 công ty con cấp 1): Công ty cổ phần Công nghệ CRC và có 13 công ty con cấp 2

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Danh sách các công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ CRC</b>					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần Xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

C.C.P. 1/23

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**Công ty liên kết** là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát** là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Tỷ giá hối đoái

##### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

##### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị quản lý 04 năm

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa hệ thống pin và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

**4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

**4.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.16 Doanh thu và thu nhập**

**a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu bán điện***

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**b) Các khoản thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá.

***Thu nhập từ tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá:** Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**4.17 Chi phí**

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

**4.18 Thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN cho 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.20 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Năng lượng và dịch vụ, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài.

**4.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8.2

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Tiền mặt	15.099.229.399	9.948.734.702
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.401.057.893	6.229.152.049
- Các khoản tương đương tiền (*)	36.020.000.000	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>64.520.287.292</b>	<b>29.177.886.751</b>

(\*) Các khoản tiền gửi kỳ hạn tại ngày cuối năm:

	<u>Kỳ hạn</u> (tháng)	<u>Lãi suất</u> (%/năm)	<u>Số tiền</u> VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
- Chi nhánh Mỹ Đình	03	3,2%	3.420.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	01	2,7%	27.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam			
- Chi nhánh Thành Công	01	2,5%	5.200.000.000
<b>Cộng</b>			<b>36.020.000.000</b>

Trong đó, giá trị tiền gửi kỳ hạn thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại ngày cuối năm là 5.000.000.000 đồng. Chi tiết tại thuyết minh số 5.17.

**5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.820.000.000	48.820.000.000	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.820.000.000</b>	<b>48.820.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Trái phiếu	500.000.000	500.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	290.000.000	290.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>	<b>6.790.000.000</b>

- (i) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi. Toàn bộ trái phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (Chi tiết tại thuyết minh số 5.17).

**5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	-	6.195.845.970
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng Yên Bái	-	5.016.001.100
- Công ty CP Công nghệ EMP	2.286.282.005	11.785.967.459
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	-	6.360.370.640
- Công ty CP Đầu tư CP Farm Việt Nam	1.168.913.030	-
- UAB Baltic Gate Terminal	2.661.482.688	-
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1.722.804.374	1.722.880.999
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1.149.130.968	1.054.015.193
- Khách hàng khác	3.939.064.020	4.166.627.265
<b>Cộng</b>	<b>12.927.677.085</b>	<b>36.301.708.626</b>

Trong đó, Phải thu khách hàng là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nhật Minh Xanh	-	3.654.432.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	43.654.262.550	34.597.117.977
- Công ty CP Sản xuất XNK Thành Nam	3.655.057.966	11.385.339.707
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum	6.892.552.000	3.508.000.000
- Công ty CP Công nghệ EMP	3.080.580.000	16.259.266.750
- Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	407.245.121	1.679.739.402
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Caruvina	-	14.250.000.000
- Công ty CP Đầu tư CP FARM Việt Nam	16.550.831.190	2.500.000.000
- Nhà cung cấp khác	2.087.357.250	3.824.711.286
<b>Cộng</b>	<b>76.327.886.077</b>	<b>100.040.252.002</b>

Trong đó, Trả trước cho người bán là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

**5.5. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.223.264.590</b>	-	<b>37.939.232.204</b>	-
- Tạm ứng (i)	6.142.315.672	-	9.101.557.572	-
+ Ông Nguyễn Xuân Đạt	-	-	2.600.000.000	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	1.142.315.672	-	5.101.557.572	-
+ Ông Đặng Quốc Đăng	5.000.000.000	-	-	-
+ Các cá nhân khác	-	-	1.400.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	-	-	28.573.000.000	-
+ Ông Nguyễn Tiến Độ	-	-	14.473.000.000	-
+ Ông Đào Văn Huỳnh	-	-	7.983.750.000	-
+ Ông Nguyễn Khắc Lưu	-	-	6.116.250.000	-
- Lãi tiền gửi, trái phiếu	77.168.307	-	213.029.917	-
- Các khoản phải thu khác	3.780.611	-	51.644.715	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>42.450.000.000</b>	-	<b>42.450.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	42.450.000.000	-	42.450.000.000	-
+ Bà Triệu Thị Sa (ii)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
+ Ông Mai Anh Đức (iii)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Lâm Đồng (v)	450.000.000	-	450.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>48.673.264.590</b>	-	<b>80.389.232.204</b>	-

Trong đó, Phải thu khác là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- (i) Khoản tạm ứng tiền san lấp mặt bằng nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.
- (ii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/1NVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/9/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/9/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/8/2020 thời hạn 25 năm.
- (v) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/9/2020 thời hạn từ 11/9/2020 đến 22/02/2054.

**5.6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
<b>a) Phải thu khách hàng</b>				
- BEL TamoZhiliya Limited	118.571.650	35.571.495	118.571.650	59.285.825
<b>b) Trả trước cho người bán</b>				
- JA Solar International Limited	-	-	1.088.940.182	326.682.055
<b>Cộng</b>	<b>118.571.650</b>	<b>35.571.495</b>	<b>1.207.511.832</b>	<b>385.967.880</b>

**5.7. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>246.903.595</b>	<b>151.188.121</b>		
- Chi phí bảo hiểm	246.389.315	144.387.346		
- Công cụ dụng cụ	-	5.499.539		
- Chi phí trả trước khác	514.280	1.301.236		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>655.252.321</b>	<b>504.531.755</b>		
- Chi phí sửa chữa	530.371.925	351.865.982		
- Công cụ dụng cụ	108.225.191	147.545.773		
- Chi phí trả trước khác	16.655.205	5.120.000		
<b>Cộng</b>	<b>902.155.916</b>	<b>655.719.876</b>		

**5.8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	200.247.199	-	786.315.000	-
- Thành phẩm	2.430.446.000	-	4.954.988.000	-
- Hàng hóa	39.690.787.758	-	43.733.337.835	-
<b>Cộng</b>	<b>42.321.480.957</b>	<b>-</b>	<b>49.474.640.835</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Chi tiết hàng gửi tại kho Bên thứ 3:**

Tên công ty	Loại hàng gửi	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Nhân hạt điều	22.730.811.420	26.134.247.568
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	Gạch	7.459.210.741	10.032.867.546
Công ty CP CRC Solar Cell	Pin, máy móc	7.891.849.772	8.014.833.260
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Gạch, sắt thép	2.879.543.466	804.840.558

**5.9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>305.097.544.558</b>	<b>3.024.434.000</b>	<b>61.593.636</b>	<b>308.183.572.194</b>
Mua trong năm	8.664.576.997	1.573.789.091	-	10.238.366.088
Thanh lý	-	(420.439.455)	-	(420.439.455)
Giảm khác	(210.000.000)	-	-	(210.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>313.552.121.555</b>	<b>4.177.783.636</b>	<b>61.593.636</b>	<b>317.791.498.827</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>32.694.328.743</b>	<b>1.190.160.997</b>	<b>9.768.885</b>	<b>33.894.258.625</b>
Khấu hao trong năm	17.761.159.111	837.238.544	15.398.412	18.613.796.067
Thanh lý	-	(264.469.971)	-	(264.469.971)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.455.487.854</b>	<b>1.762.929.570</b>	<b>25.167.297</b>	<b>52.243.584.721</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	272.403.215.815	1.834.273.003	51.824.751	274.289.313.569
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>263.096.633.701</b>	<b>2.414.854.066</b>	<b>36.426.339</b>	<b>265.547.914.106</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 224.581.135.774 đồng (tại ngày đầu năm là 237.633.414.322 đồng)
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

**5.10. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>- Mua sắm</b>		
+ Mua xe ô tô Vinfast	1.358.300.000	961.000.000
<b>- Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
+ Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	43.865.649.383	24.690.423.269
+ Dự án Khu Đô Thị CRC	140.000.000	140.000.000
+ NM sản xuất lưới thép Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc	18.103.867.350	15.213.701.061
+ Dự án Trại gà Công ty CP Công Nghệ CRC	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Dự án Trại gà Công ty CP Năng lượng xanh Kosun	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>66.467.816.733</b>	<b>44.005.124.330</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	17.744.425
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>17.744.425</b>

**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH KD Thương mại và Dịch vụ Vinfast	-	-	1.017.100.000	1.017.100.000
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	1.481.214.056	1.481.214.056	1.981.214.056	1.981.214.056
Công ty CP CRC Solar Cell	-	-	5.567.529.000	5.567.529.000
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	-	-	414.540.000	414.540.000
Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Bảo Lộc	519.696.000	519.696.000	519.696.000	519.696.000
Công ty TNHH KD DV & TM Ô tô Thăng Long Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.312.130.000	1.312.130.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phan Anh	484.437.619	484.437.619	-	-
Các đối tượng khác	839.833.248	839.833.248	531.797.020	531.797.020
<b>Cộng</b>	<b>4.637.310.923</b>	<b>4.637.310.923</b>	<b>10.031.876.076</b>	<b>10.031.876.076</b>

Trong đó, Phải trả người bán ngắn hạn là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2)

**5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng ET	-	1.164.500.000
- Công ty TNHH Casa Mai Sơn	126.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.247.148	142.892.640
<b>Cộng</b>	<b>127.247.148</b>	<b>1.307.392.640</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

a) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	28.451.808	28.451.808
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.451.808</b>	<b>28.451.808</b>

b) Thuế và khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	1.058.056.183	1.058.056.183	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.200.499.932	852.831.723	918.744.497	1.134.587.158
Thuế thu nhập cá nhân	91.886.515	-	88.387.000	3.499.515
Các loại thuế khác	166.565.224	53.109.674	53.109.674	166.565.224
<b>Cộng</b>	<b>1.458.951.671</b>	<b>1.963.997.580</b>	<b>2.118.297.354</b>	<b>1.304.651.897</b>

**5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	397.049.212	491.750.538
- Các khoản khác	48.000.000	60.945.205
<b>Cộng</b>	<b>445.049.212</b>	<b>552.695.743</b>

**5.16. Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	33.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.341.800.500	856.450.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	78.000.000	78.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.419.800.500</b>	<b>967.450.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.17. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Vay ngắn hạn	<b>128.743.667.702</b>	<b>128.743.667.702</b>	<b>388.018.019.253</b>	<b>382.725.618.588</b>	<b>129.838.267.037</b>	<b>129.838.267.037</b>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	88.019.204.502	88.019.204.502	237.946.582.647	206.696.561.687	56.769.183.542	56.769.183.542
+ Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	39.966.463.200	39.966.463.200	113.183.154.003	137.095.774.298	63.879.083.495	63.879.083.495
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	-	-	12.463.282.603	21.653.282.603	9.190.000.000	9.190.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	6.387.000.000	6.387.000.000	19.887.000.000	13.500.000.000	-	-
+ Vay cá nhân (4)	758.000.000	758.000.000	4.538.000.000	3.780.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	<b>26.864.351.060</b>	<b>26.864.351.060</b>	<b>27.070.019.132</b>	<b>26.804.851.060</b>	<b>26.599.182.988</b>	<b>26.599.182.988</b>
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	312.351.060	312.351.060	459.519.132	312.351.060	165.182.988	165.182.988
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	78.000.000	78.000.000	136.500.000	58.500.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (6)	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000	4.060.000.000	4.060.000.000	4.060.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>161.995.018.762</b>	<b>161.995.018.762</b>	<b>415.088.038.385</b>	<b>409.530.469.648</b>	<b>156.437.450.025</b>	<b>156.437.450.025</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
- Vay dài hạn	75.532.655.992	75.532.655.992	1.077.100.000	27.070.019.132	101.525.575.124	101.525.575.124
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	1.095.907.760	1.095.907.760	677.100.000	459.519.132	878.326.892	878.326.892
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	263.500.000	263.500.000	400.000.000	136.500.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (6)	20.783.500.000	20.783.500.000	-	6.654.000.000	27.437.500.000	27.437.500.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	11.326.813.701	11.326.813.701	-	4.100.000.000	15.426.813.701	15.426.813.701
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	42.062.934.531	42.062.934.531	-	15.720.000.000	57.782.934.531	57.782.934.531
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>75.532.655.992</b>	<b>75.532.655.992</b>	<b>1.077.100.000</b>	<b>27.070.019.132</b>	<b>101.525.575.124</b>	<b>101.525.575.124</b>

**Chi tiết thông tin các khoản vay còn số dư cuối năm:**

- 1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng TDHM số 01/2023/8353501/HĐTD ngày 05/6/2023; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%- 8,0%/năm với khoản vay bằng VND và 4,5%-5,5%/năm với khoản vay bằng USD. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; 750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm.
- 2) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo Hợp đồng tín dụng số 1260LAV2023 ngày 30/8/2023; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 7,0%-8,0%/năm năm đối với khoản vay bằng VND. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của Bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- 3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2023-HĐCVHMM/NHCT127-CRC ngày 10/02/2023:
  - Khoản vay dài hạn: Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất 11% cho năm đầu tiên; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Honda City RS BKS 30K-286.47.
- 4) Các khoản vay cá nhân là vay tín chấp dưới 12 tháng, Lãi suất 0%/năm.
- 5) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo những hợp đồng tín dụng sau:
  - Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13.
  - Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Mitsubishi BSK: 29B-622.58.
  - Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/HĐTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10,9%/năm cho năm đầu. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79.
- 6) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo những hợp đồng tín dụng sau:
  - Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNCP/CRC/TECH do Công ty Cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.
  - Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
  - Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
  - Hợp đồng vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/3/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên ; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020.
- 7) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo những hợp đồng tín dụng sau:
  - Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/23/HM/8172535 ngày 25/9/2023. Thời hạn vay 05 tháng cho kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%/năm; Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 5.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
  - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20598213 ngày 26/6/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 cổ phiếu của Công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU186588.
  - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/2095745 ngày 17/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
  - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20955417 ngày 09/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng của dự án trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện giữa EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544376.
- 8) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo những hợp đồng tín dụng sau:
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209634/HĐTD ngày 11/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê hợp đồng mua bán điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145070831/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê hợp đồng mua bán điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.18. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>33.853.430.460</b>	<b>4.994.668.350</b>	<b>349.493.703.735</b>	
Lãi trong năm trước	-	-	24.019.101.087	517.955.417	24.537.056.504	
Chia cổ tức	-	-	-	(461.000.000)	(461.000.000)	
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>57.794.531.547</b>	<b>5.051.623.767</b>	<b>373.491.760.239</b>	
Tặng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	28.827.721.665	625.466.510	29.453.188.175	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	
Thù lao HĐQT và BKS (*)	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)	
Giảm khác (**)	-	-	-	(485.350.000)	(485.350.000)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>10.645.604.925</b>	<b>86.544.253.212</b>	<b>5.191.740.277</b>	<b>402.381.598.414</b>	

(\*) Trong năm, Công ty trích thù lao trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2023.

(\*\*) Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

	VND	VND	VND
	PPLN tại Công ty con	Lợi ích của Công ty mẹ	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con
- Trả cổ tức trên vốn điều lệ	16.961.350.000	16.476.000.000	485.350.000
- Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	(16.476.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>16.961.350.000</b>	<b>-</b>	<b>485.350.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
- Cổ đông khác	265.955.200.000	265.955.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu. Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK.

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**e) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán;
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% mệnh giá cổ phần;
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh;
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh.

**f) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Loại tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi ngân hàng	Đô la Mỹ (USD)	129.412,00	77.731,52

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	297.425.199.565	366.533.298.759
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.883.485.632	55.202.318.129
<b>Cộng</b>	<b><u>354.308.685.197</u></b>	<b><u>421.735.616.888</u></b>

Trong đó, Doanh thu bán hàng cho các Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	285.833.367.042	356.727.090.952
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.441.265.974	16.926.075.186
<b>Cộng</b>	<b><u>304.274.633.016</u></b>	<b><u>373.653.166.138</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	830.371.997	533.283.613
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	705.049.977
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	212.035.355	18.459.760
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.054.870	44.672.907
<b>Cộng</b>	<b><u>1.045.462.222</u></b>	<b><u>1.301.466.257</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Lãi vay	15.549.986.661	16.440.264.937
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.922.226	249.764.383
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	81.687.130	-
<b>Cộng</b>	<b>15.747.596.017</b>	<b>16.690.029.320</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.153.672	1.382.364.850
<b>Cộng</b>	<b>435.153.672</b>	<b>1.382.364.850</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nhân viên quản lý	2.237.555.240	2.003.276.744
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.097.123	153.768.566
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	852.636.956	515.484.715
- Thuế, phí và lệ phí	42.000.000	36.000.000
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(738.543.797)	821.543.952
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.687.569.909	1.472.160.254
- Chi phí bằng tiền khác	830.808.161	300.808.612
<b>Cộng</b>	<b>5.005.123.592</b>	<b>5.303.042.843</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Công nợ không phải trả	-	359.632.329
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	23.030.516	-
- Khoản bồi thường	365.571.092	-
- Thu nhập khác	92.921.473	350.031.138
<b>Cộng</b>	<b>481.523.081</b>	<b>709.663.467</b>

**6.8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	583.073.284
- Thuế bị phạt, truy thu	24.050.364	323.388.961
- Chi phí khác	25.349.516	47.496.726
<b>Cộng</b>	<b>49.399.880</b>	<b>953.958.971</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.739.597.123	21.576.846.331
- Chi phí nhân công	1.915.055.240	2.053.276.744
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.616.355.860	16.649.715.135
- Chi phí dự phòng	-	821.543.952
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.682.398.957	2.976.343.289
- Chi phí khác bằng tiền	830.808.161	1.096.835.193
<b>Cộng</b>	<b><u>23.784.215.341</u></b>	<b><u>45.174.560.644</u></b>

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuyết minh	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	852.831.723	918.854.711
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	281.645.221
<b>Cộng</b>	<b><u>852.831.723</u></b>	<b><u>1.200.499.932</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.744.425	26.628.054
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>17.744.425</u></b>	<b><u>26.628.054</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.12. Lãi trên cổ phiếu**

	Đơn vị tính	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	VND	28.827.721.665	24.019.101.087
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	78.000.000
- <b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>28.827.721.665</b>	<b>23.941.101.087</b>
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phần	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung	Cổ phần	30.000.000	-
- <b>Lãi trên cổ phiếu</b>			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	961	798
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	480	798

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Việc tính toán lại lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 801 đồng/cổ phiếu xuống 798 đồng/cổ phiếu.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	389.013.432.123	373.479.032.767
<b>Cộng</b>	<b>389.013.432.123</b>	<b>373.479.032.767</b>

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	(409.530.469.648)	(356.920.470.802)
<b>Cộng</b>	<b>(409.530.469.648)</b>	<b>(356.920.470.802)</b>

**7.3. Các giao dịch phi tiền tệ khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền thu từ đi vay qua đánh giá CLTG	81.687.130	123.941.279



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK. Ngày 07/3/2024, Công ty đã có thông báo số 05/2024/CRC-TB gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu (từ 08/3/2024 đến 15/4/2024) và thời gian nhận tiền mua cổ phiếu (từ 08/3/2024 đến 15/4/2024).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8.2 Thông tin về các bên liên quan**

**a) Thông tin về các bên liên quan**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt
2	Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/4/2022
3	Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của Chủ tịch HĐQT
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
5	Công ty CP Vật tư Điện Hùng Cường	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 9/1/2023
6	Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con
7	Công ty CP Gốm sứ Haceco	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
8	Công ty CP Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng GD đến ngày 13/12/2022
9	Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT

**b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

***Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>107.966.154</b>	<b>433.761.237</b>
Ông Mai Anh Tâm	12.000.000	76.000.000
Bà Dương Thị Huyền	59.966.154	181.761.237
Ông Hoàng Trung Kiên	12.000.000	76.000.000
Ông Phạm Văn Trường	12.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	12.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	-	76.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>115.198.717</b>	<b>94.186.182</b>
Bà Phạm Thị Huệ	103.198.717	75.596.916
Bà Hà Thị Hiến	6.000.000	10.392.844
Ông Nguyễn Văn Nhu	6.000.000	8.196.422
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>118.050.000</b>	-
Vũ Thị Thủy	118.050.000	-
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>104.384.957</b>	-
Nguyễn Thị Thúy Nga	104.384.957	-
<b>Cộng</b>	<b>445.599.828</b>	<b>527.947.419</b>

**Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm:**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	Mua hàng	-	15.714.780.000
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	Nhận lại tiền ứng trước	518.542.999	-
Công ty CP Tập đoàn Koly	Nhận lại tiền ứng trước	8.381.644.880	-
Công ty CP Tập đoàn Koly	Mua hàng hóa	-	13.796.000.000
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Mua hàng hóa	-	192.071.600
Công ty CP Vật tư điện Hùng Cường	Bán hàng hóa	-	2.594.442.000
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Bán hàng hóa	-	1.901.460.000
Ông Lê Quang Thạch	Vay	-	400.000.000
	Trả tiền vay	-	400.000.000
Ông Lê Thành Nhân	Vay	-	19.500.000.000
	Trả tiền vay	-	19.500.000.000
Ông Mai Anh Đức	Phải trả tiền thuê đất	-	198.958.200
	Đặt cọc thuê đất	-	4.310.000.000

**Số dư với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	-	<b>8.900.187.879</b>
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	-	518.542.999
<b>Phải trả người bán</b>	-	<b>24.000.000</b>
Ông Mai Anh Đức	-	24.000.000
<b>Phải thu dài hạn khác (cọc tiền thuê đất)</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Ông Mai Anh Đức	30.000.000.000	30.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Ngoài ra, Ông Mai Anh Tám, Bà Trần Thị Thu Hiền (Vợ ông Mai Anh Tám), Ông Mai Anh Đức (con Ông Mai Anh Tám) và Bà Dương Thị Huyền đã sử dụng các tài sản cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.16).

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm nay:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần của bộ phận</b>	<b>297.425.199.565</b>	<b>56.883.485.632</b>	-	<b>354.308.685.197</b>
Doanh thu thuần	297.425.199.565	56.883.485.632	-	354.308.685.197
<b>Chi phí của bộ phận</b>	<b>293.707.833.810</b>	<b>31.754.672.487</b>	-	<b>325.462.506.297</b>
Giá vốn	285.833.367.042	18.441.265.974	-	304.274.633.016
Chi phí bán hàng	435.153.672	-	-	435.153.672
Chi phí quản lý	3.735.607.786	1.269.515.806	-	5.005.123.592
Chi phí lãi vay	3.703.705.310	12.043.890.707	-	15.747.596.017
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>3.717.365.755</b>	<b>25.128.813.145</b>	-	<b>28.846.178.900</b>
Thu nhập từ HĐTC	-	-	1.045.462.222	1.045.462.222
Lợi nhuận khác	85.924.653	346.198.548	-	432.123.201
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>3.803.290.408</b>	<b>25.475.011.693</b>	<b>1.045.462.222</b>	<b>30.323.764.323</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành				852.831.723
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				17.744.425
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>29.453.188.175</b>

b) Tài sản theo bộ phận tại ngày cuối năm:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa	Năng lượng và dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	185.913.942.504	37.628.396.299	48.820.000.000	272.362.338.803
Tài sản dài hạn	69.031.179.412	306.089.803.748	500.000.000	375.620.983.160
<b>Tổng tài sản</b>	<b>254.945.121.916</b>	<b>343.718.200.047</b>	<b>49.320.000.000</b>	<b>647.983.321.963</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả ngắn hạn	132.173.281.263	37.779.797.179	-	169.953.078.442
Nợ phải trả dài hạn	1.475.396.875	74.173.248.232	-	75.648.645.107
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>133.648.678.138</b>	<b>111.953.045.411</b>	-	<b>245.601.723.549</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

c) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm trước:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng	Đầu tư tài	Cộng
	hàng hóa	và dịch vụ	chính	
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần của bộ phận</b>	<b>366.511.480.577</b>	<b>55.224.136.311</b>	-	<b>421.735.616.888</b>
Doanh thu thuần	366.511.480.577	55.224.136.311	-	421.735.616.888
<b>Chi phí của bộ phận</b>	<b>364.949.034.554</b>	<b>32.079.568.597</b>	-	<b>397.028.603.151</b>
Giá vốn	356.727.090.952	16.926.075.186	-	373.653.166.138
Chi phí bán hàng	1.382.364.850	-	-	1.382.364.850
Chi phí quản lý	4.069.317.011	1.233.725.832	-	5.303.042.843
Chi phí lãi vay	2.770.261.741	13.919.767.579	-	16.690.029.320
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>1.562.446.023</b>	<b>23.144.567.714</b>	-	<b>24.707.013.737</b>
Thu nhập từ HĐTC	-	-	1.301.466.257	1.301.466.257
Lợi nhuận khác	(219.911.979)	(24.383.525)	-	(244.295.504)
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>1.342.534.044</b>	<b>23.120.184.189</b>	<b>1.301.466.257</b>	<b>25.764.184.490</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành				1.200.499.932
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				26.628.054
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>24.537.056.504</b>

d) Tài sản theo bộ phận tại ngày đầu năm:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng	Đầu tư tài	Cộng
	hàng hóa	và dịch vụ	chính	
	VND	VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	236.162.177.777	28.358.971.403	13.400.000.000	277.921.149.180
Tài sản dài hạn	50.748.437.958	310.518.276.121	6.790.000.000	368.056.714.079
<b>Tổng tài sản</b>	<b>286.910.615.735</b>	<b>338.877.247.524</b>	<b>20.190.000.000</b>	<b>645.977.863.259</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả ngắn hạn	121.163.938.868	49.591.877.787	-	170.755.816.655
Nợ phải trả dài hạn	1.083.038.133	100.647.248.232	-	101.730.286.365
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>122.246.977.001</b>	<b>150.239.126.019</b>	-	<b>272.486.103.020</b>

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khu vực nội địa	30.176.574.180	29.584.584.058
Khu vực nước ngoài	324.132.111.017	392.151.032.830



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**8.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN THỊ GIANG**

**NGUYỄN THỊ THÚY NGA**

**DƯƠNG THỊ HUYỀN**

